



**MSI Gaming GL73 8SE-074RU Intel® Core™ i7 i7-8750H Laptop
43,9 cm (17.3") Full HD 16 GB DDR4-SDRAM 1,13 TB HDD+SSD
NVIDIA® GeForce RTX™ 2060 Wi-Fi 5 (802.11ac) Windows 10
Home Màu đen**



Nhãn hiệu : MSI

Họ sản phẩm: Gaming

Mã sản phẩm:
9S7-17C722-074

Tên mẫu : GL73 8SE-074RU

MSI Gaming GL73 8SE-074RU. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i7, Model vi xử lý: i7-8750H, Tốc độ bộ xử lý: 2,2 GHz. Kích thước màn hình: 43,9 cm (17.3"), Kiểu HD: Full HD, Độ phân giải màn hình: 1920 x 1080 pixels. Bộ nhớ trong: 16 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 1,13 TB, Phương tiện lưu trữ: HDD+SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics 630. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Thiết kế		hệ thống mạng	
Sản Phẩm *	Laptop	Bluetooth	✓
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Cổng giao tiếp	
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2
Định vị thị trường	Chơi game	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 2 (3.1 Gen 2) Type-A	1
Màn hình		Số lượng cổng USB 3.2 Gen 2 (3.1 Gen 2)Type-C	1
Kích thước màn hình *	43,9 cm (17.3")	Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1
Độ phân giải màn hình *	1920 x 1080 pixels	Số lượng cổng HDMI *	1
Màn hình cảm ứng *	✗	Số lượng cổng Mini DisplayPorts	1
Kiểu HD	Full HD	Đầu ra tai nghe	1
Đèn LED phía sau	✓	Giắc cắm micro	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Hiệu suất	
Màn hình kép	✗	Chipset bo mạch chủ	Intel® HM370
Bộ xử lý		Bàn phím	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i7	Bàn phím số *	✓
Thế hệ bộ xử lý	8th gen Intel® Core™ i7	Bàn phím có đèn nền	✓
Model vi xử lý *	i7-8750H	Màu đèn nền bàn phím	Màu đỏ
Số lõi bộ xử lý	6	Các phím Windows	✓
Các luồng của bộ xử lý	12	Phần mềm	
Tần số turbo tối đa	4,1 GHz	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Tốc độ bộ xử lý *	2,2 GHz	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home
Tốc độ bus hệ thống	8 GT/s	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	9 MB	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1440	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm		
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit		
Tên mã bộ vi xử lý	Coffee Lake		
Loại bus	DMI		
Chia bậc	U0		
Công suất thoát nhiệt TDP	45 W		
TDP-down có thể cấu hình	35 W		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tần số TDP-down có thể cấu hình	1,7 GHz	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Tjunction	100 °C	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	16	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Phiên bản PCI Express	3.0	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Cấu hình PCI Express	1x16, 1x8+2x4, 2x8	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Bộ nhớ		Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Bộ nhớ trong *	16 GB	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2666 MHz	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM	Intel® Enhanced Halt State	✓
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Bộ nhớ trong tối đa *	32 GB	Khóa An toàn Intel	✓
Dung lượng		Intel® TSX-NI	✗
Tổng dung lượng lưu trữ *	1,13 TB	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Phương tiện lưu trữ *	HDD+SSD	Intel® OS Guard	✓
Tổng dung lượng ở cứng HDD	1 TB	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Dung lượng ổ đĩa cứng	1 TB	Kiến trúc Intel® 64	✓
Tổng dung lượng ở cứng SSD	128 GB	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Trạng thái Chờ	✓
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	128 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Loại ổ đĩa quang *	✗	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	42 x 28 mm
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Thẻ nhớ tương thích	SD, SDHC, SDXC	Mã của bộ xử lý	SR3YY
Đồ họa		Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Model card đồ họa rời *	NVIDIA® GeForce RTX™ 2060	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Bộ nhớ card đồ họa rời	6 GB	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Loại bộ nhớ card đồ họa rời	GDDR6	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Card đồ họa on-board *	✓	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Card đồ họa rời *	✓	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Họ card đồ họa on-board	Intel® UHD Graphics	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics 630	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	350 MHz	ID ARK vi xử lý	134906
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz	Pin	
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	64 GB	Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Số lượng cell pin	6
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.5	Công suất pin *	51 Wh
ID card đồ họa on-board	0x3E9B	Điện	
Số lượng card đồ họa có sẵn	1	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	180 W
Kiến trúc thiết bị tính toán hợp nhất (CUDA)	✓	Giắc cắm đầu vào DC	✓
Âm thanh		Trọng lượng & Kích thước	
Số lượng loa gắn liền	2	Chiều rộng	419 mm
Công suất loa	3 W	Độ dày	287 mm
Micrô gắn kèm	✓	Chiều cao	33 mm
Máy ảnh		Trọng lượng *	2,9 kg
Camera trước	✓	hệ thống mạng	
Định dạng camera trước	720p	Wi-Fi	✓
Loại độ phân giải HD camera trước	HD	Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 5 (802.11ac)
hệ thống mạng		Chuẩn Wi-Fi	802.11a, 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n), Wi-Fi 5 (802.11ac)

hệ thống mạng		Nội dung đóng gói	
Loại ăngten	2x2	Kèm adapter AC *	✓
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Các đặc điểm khác	
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Hỗ trợ 3D	✗

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.